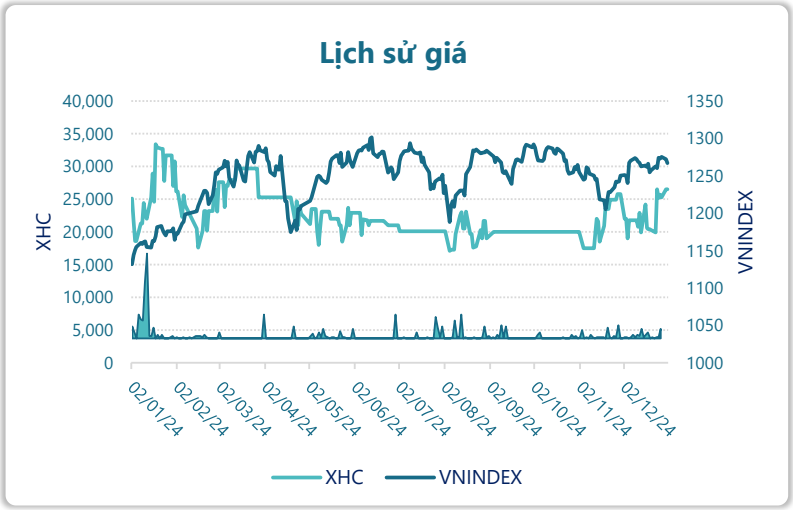
FireAnt

CTCP Xuân Hòa Việt Nam (UPCOM: XHC)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,100
SL cổ phiếu LH	21,086,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,030
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	559
P/E	10.9
EPS	2,423

DT thuần

Q4/24

150

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 37.0| 32.8%

YoY: ▼128| -46.0%

LN sau thuế

Q4/24

2.54

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.99| 204%

YoY: ▼2.90| -53.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

12.7%

+/- YoY: ▲ 4.9%

DT thuần

2024

545

tỷ VNĐ

YoY: ▼244| -30.9%

LN sau thuế

2024

51.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.0| 34.2%

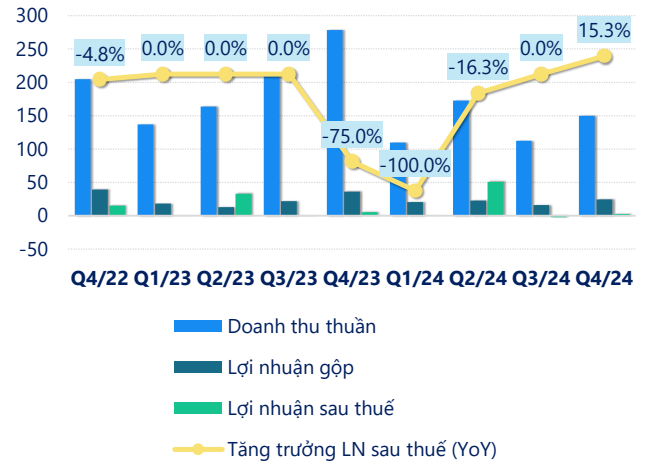
ROE

2024

15.0%

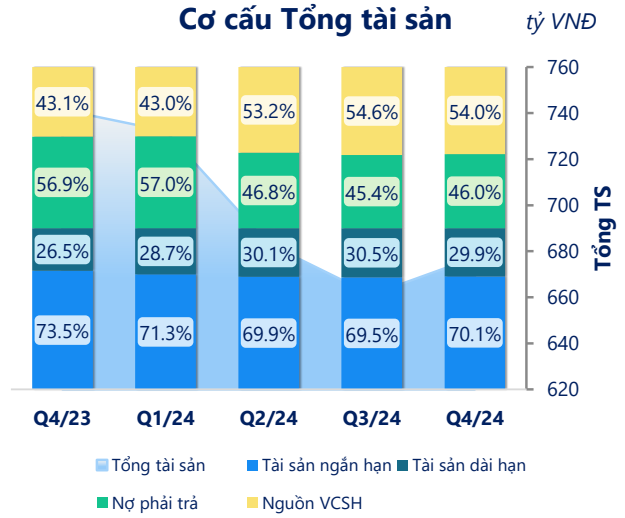
+/- YoY: ▲ 2.2%

Kết quả kinh doanh



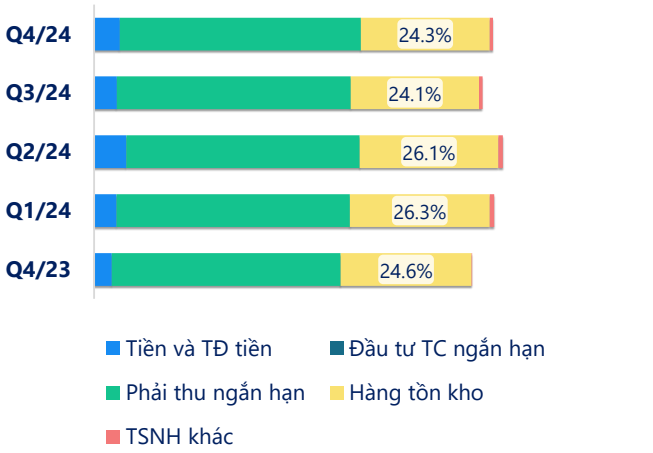
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



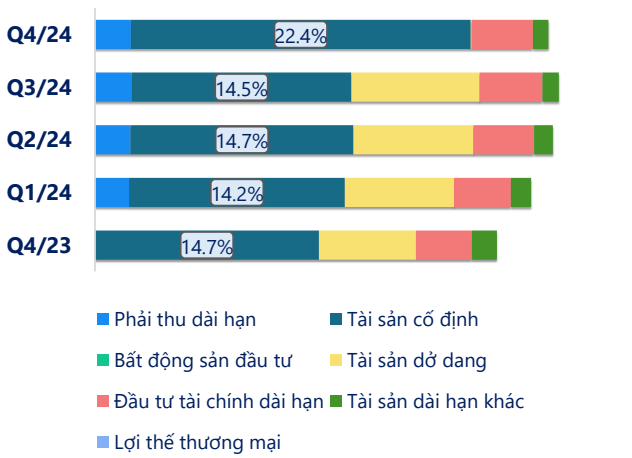
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



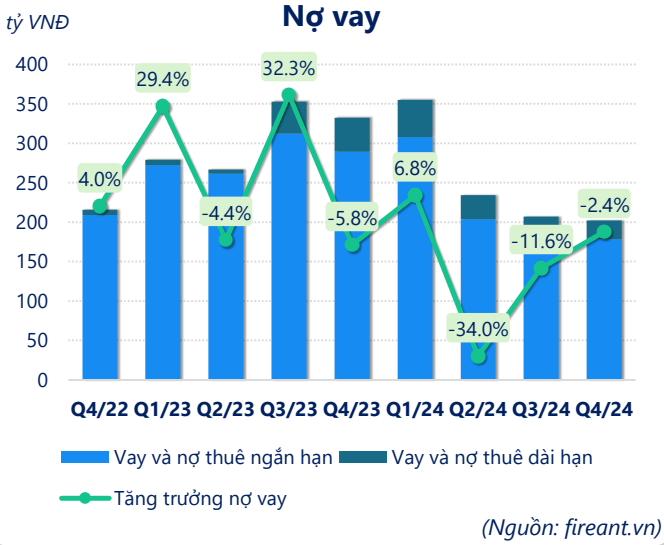
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



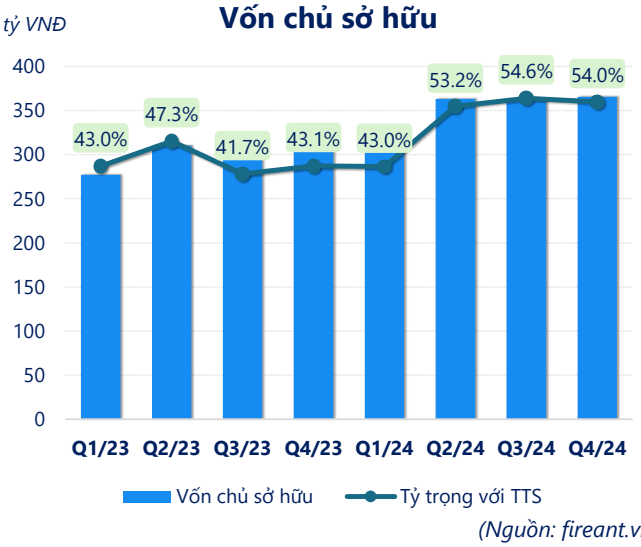
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



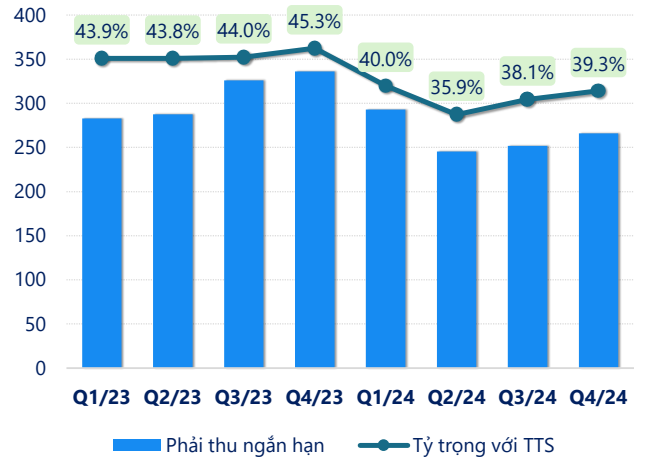
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



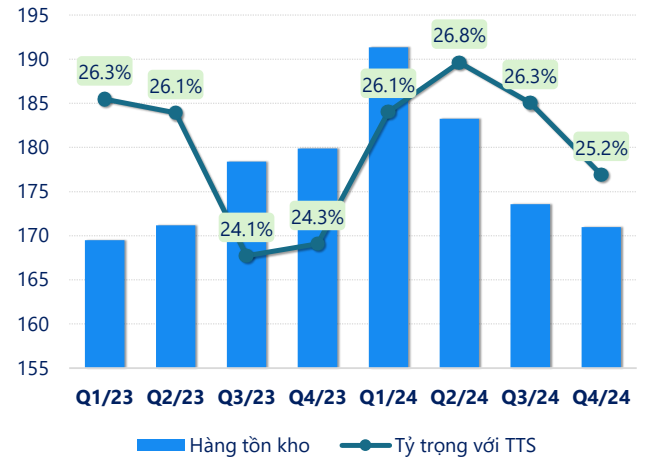
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



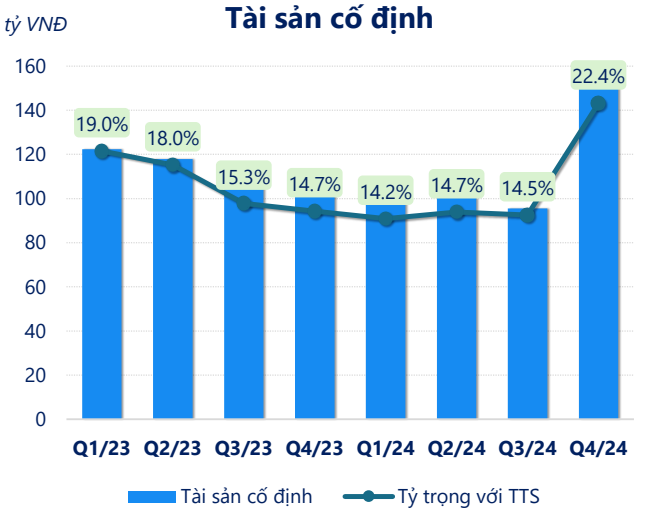
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



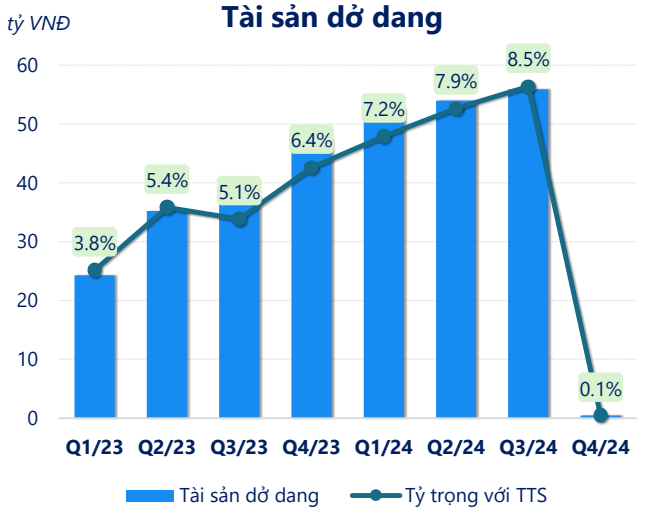
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



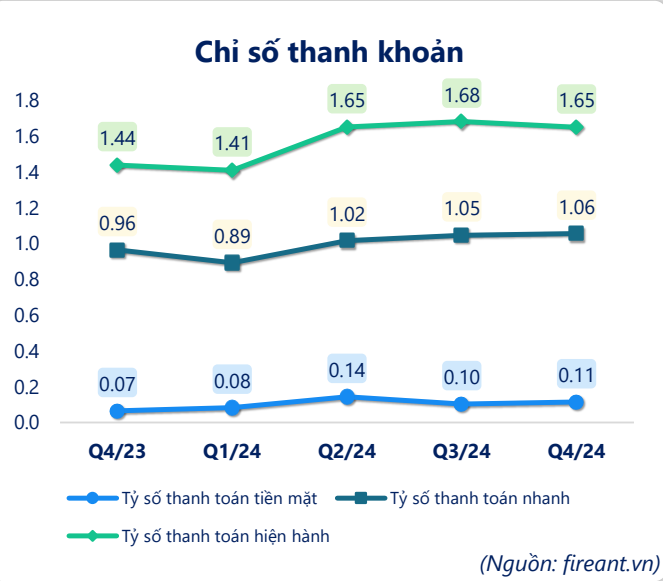
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



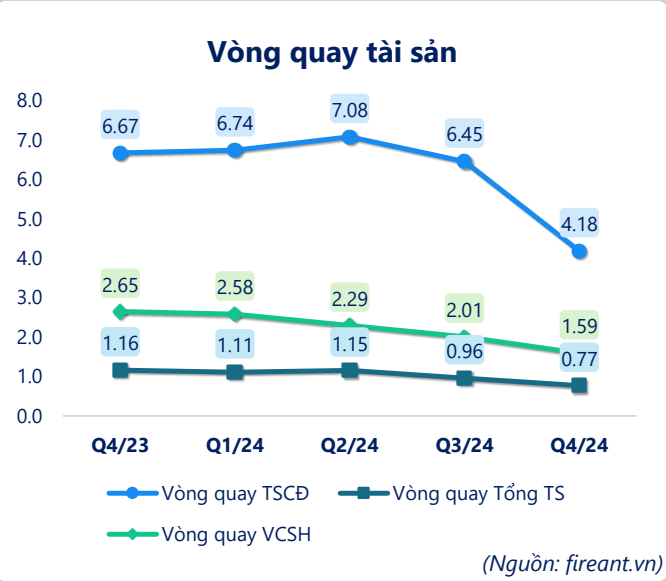
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**741**	**732**	**683**	**661**	**677**
Tài sản ngắn hạn	**545**	**522**	**477**	**459**	**475**
Tiền và tương đương tiền	24.7	31.0	41.6	28.2	32.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	336	293	245	252	266
Hàng tồn kho	180	191	183	174	171
Tài sản ngắn hạn khác	4.79	6.72	7.18	5.85	5.45
Tài sản dài hạn	**196**	**210**	**206**	**202**	**202**
Phải thu dài hạn	0	16.5	16.0	16.0	16.0
Tài sản cố định	109	104	100	95.5	152
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	47.4	52.6	54.0	55.9	0.46
Đầu tư tài chính dài hạn	27.3	27.3	27.3	27.3	27.3
Tài sản dài hạn khác	12.2	9.84	8.37	7.05	6.91
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**422**	**418**	**320**	**300**	**312**
Nợ ngắn hạn	**379**	**370**	**289**	**273**	**288**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	289	308	204	180	179
Phải trả người bán ngắn hạn	34.3	37.0	54.1	68.7	72.5
Nợ dài hạn	43.1	47.3	30.7	27.2	23.7
Vay và nợ thuê dài hạn	43.1	47.3	30.7	27.2	23.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	**320**	**315**	**363**	**361**	**366**
Vốn chủ sở hữu	**320**	**315**	**363**	**361**	**366**
Vốn điều lệ	211	211	211	211	211
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)